

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2023/DS-PT  
Ngày 12/7/2023  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán.

Bà Trần Thị Thanh Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 06 và ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh H, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 157/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 174/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Đào Văn V, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Đồng Tháp.

**Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Lê Hùng M, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số O1, ấp X2, xã Y2, thị xã K, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2021) (Có mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đào Văn V:** Luật sư Trần

D1 - Văn phòng Luật sư Hoàng L - thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp X3, xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Phạm Quốc Tr, sinh năm 1996. Địa chỉ: O2, Nguyễn Trung Tr1, thị trấn Tân Tr2, huyện Tân Tr2, tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022) (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp X3, xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U:* Luật sư Mai Thanh T - Công ty Luật TNHH Mai Tr3 (Xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp X3, xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An (Xin vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1952. Địa chỉ: Ấp X3, xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An (Xin vắng mặt).

3. Bà Chung Thị Thanh N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 692, đường Lê Lợi, khu phố 5, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (Có mặt).

4. Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1. Do bà Bùi Thị Đ1 làm đại diện. Địa chỉ: Số O3, Lý Thường K1, khu phố O4, phường F, thị xã K, tỉnh Long An (Xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đào Văn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị Thanh N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ông Đào Văn V có cho vợ chồng ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U vay tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 12/7/2017 dương lịch vay 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hạn mùa lúa đông xuân 2018 trả (tức tháng 02/2018), biên nhận do bà Nguyễn Thị U viết, nhưng số tiền viết bằng chữ năm trăm triệu do bà U viết thiếu chữ “trăm” nên ông viết thêm chữ “trăm” trước chữ “mươi” cho đúng trước sự chứng kiến của bà U, ông D.

Lần 2: Vào ngày 26/9/2017 dương lịch vay 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hạn mùa lúa đông xuân 2018 trả (tức tháng 02/2018), biên nhận do ông viết và ông Trần Văn D ký tên.

Lần 3: Ngày 12/3/2018 dương lịch vay 150.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hẹn cắt lúa hè thu 2018 trả (tức tháng 8/2018), biên nhận do ông viết, bà U điền tên Nguyễn Thị U và ký tên dưới mục người nhận.

Lần 4: Vào khoảng tháng 8/2019 bà U có vay của ông số tiền 20.000.000 đồng cũng với lãi suất 2%/tháng nhưng không có viết biên nhận.

Ngoài ra, vào năm 2019 ông có cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U thuê đất với diện tích 1,5ha đất với số tiền 37.500.000 đồng, biên nhận là do ông viết, ông D ký tên mục người mượn. Các lần vay tiền nêu trên và thuê đất ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U chưa trả cho ông khoản tiền nào.

Ông Đào Văn V không có ý kiến gì đối với Kết luận giám định số 232/KL-KTHS ngày 01/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An, Mẫu trích đo địa chính số 124-2022 ngày 26/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Vĩnh H và Chứng thư thẩm định giá số 371/09/11/2022/TĐG LA-BDS ngày 09/11/2022 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức.

Đối với đơn bán đất ngày 20/9/2019 là do ông V viết và viết theo yêu cầu của bà U để đối phó với mẹ chồng bà U vì ông không có chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Nay ông Đào Văn V khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U liên đới trả 770.000.000 đồng tiền vốn vay, 506.500.000 đồng tiền lãi và 37.500.000 đồng tiền thuê đất. Ông không đồng ý yêu cầu phản tố của ông D và bà U.

*Theo đơn phản tố và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người đại diện bị đơn trình bày:*

Ông bà không thống nhất trình bày của nguyên đơn, đại diện nguyên đơn, ông bà trình bày bổ sung: Vào khoảng tháng 7/2017 có vay số tiền 50.000.000 đồng của ông Đào Văn V, đến khoảng tháng 9/2017 vay tiếp của ông V số tiền 100.000.000 đồng và đã thanh toán xong với lãi suất 2%/tháng. Đến khoảng tháng 8/2019 vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng chưa trả.

Đối với biên nhận ngày 12/7/2017 bà U thừa nhận do bà viết và chỉ vay với số tiền 50.000.000 đồng mà không phải là 500.000.000 đồng như lời trình bày của ông V, số 0đ phía sau của dãy số không phải do bà viết. Biên nhận ngày 26/9/2017 vay 100.000.000 đồng do ông D ký tên. Đối với biên nhận ngày 12/3/2018 vay 150.000.000 đồng là không có.

Ông bà không có thuê đất của ông V. Khoảng tháng 7/2016 ông bà có cho ông Trần Văn N1 thuê 1,7ha đất, thời hạn thuê 03 năm, nhưng chưa hết thời hạn thuê thì tháng 7/2017 ông bà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Chung Tấn L1 (trong hợp đồng do ông Chung Tấn L2 - con ruột của ông L1 đứng tên), do chưa hết hợp đồng thuê với ông N1 nên để ông N1 tiếp tục sử dụng mà chưa giao phần đất này cho ông L1. Vào tháng 7/2017 ông bà có nhận chuyển nhượng phần đất 1,5ha đất của ông V với giá 450.000.000 đồng/ha, tổng số tiền là

675.000.000 đồng. Ông V đã giao đất cho ông bà sử dụng thửa đất 895 và một phần thửa 896, 947 nên ông bà giao phần đất này cho ông L1 canh tác. Ông bà đã thanh toán trước cho ông V số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó ông V chỉ đồng ý chuyển nhượng cho ông bà diện tích đất 01ha tại thửa 895 và ông bà có đưa thêm cho ông V 110.000.000 đồng. Tổng số tiền ông bà đã đưa cho ông V là 410.000.000 đồng. Đến ngày 20/9/2019 ông bà yêu cầu ông V thực hiện thủ tục theo quy định nhưng ông V chỉ làm giấy tay và hẹn ngày đi làm thủ tục. Sau đó, nhiều lần ông bà yêu cầu ông V thực hiện hợp đồng nhưng ông V không thực hiện và ông Đào Văn Đ (anh ông V) đã lấy lại đất sử dụng.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông V, ông bà chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng, đồng thời có yêu cầu phản tố:

- Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông bà và ông Đào Văn V đối với diện tích 9.725m<sup>2</sup> tại thửa 895 (đo đạc thực tế theo Mảnh trích đo địa chính số 124-2022 ngày 26/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Vĩnh H), ông bà trả tiếp cho ông V 40.000.000 đồng.

- Tuyên bố vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với thửa đất 895 giữa bà Chung Thị Thanh N và ông Đào Văn V lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1, số công chứng 4182.

- Trường hợp hợp đồng vô hiệu thì yêu cầu xử lý hậu quả hợp đồng, yêu cầu ông Đào Văn V và bà Chung Thị Thanh N liên đới trả số tiền 410.000.000 đồng tiền chuyển nhượng và 298.844.444 đồng tiền chênh lệch giá.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố và chỉ đồng ý trả cho ông Đào Văn V 20.000.000 đồng tiền vay, đại diện bị đơn thừa nhận ông D có ký biên nhận thuê đất nhưng ông V chưa giao đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đào Văn Đ trình bày: Ông là anh ruột của ông Đào Văn V, hiện ông là người đang trực tiếp canh tác trên thửa đất 895 do bà Chung Thị Thanh N cho thuê, ngoài ra ông không biết gì thêm.

- Bà Huỳnh Thị M1 trình bày: Bà là mẹ ruột của ông Đào Văn V, việc vay tiền, thuê đất, chuyển nhượng đất giữa ông Đào Văn V và bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn D, bà không biết, bà không nhận khoản tiền nào từ bà U.

- Bà Chung Thị Thanh N trình bày: Trước đây bà và ông Đào Văn V là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An. Sau đó, giữa bà và ông V có thỏa thuận chia tài sản chung tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1, trong đó bà được quyền sử dụng thửa đất số 895 diện tích 9.996m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã Y3, huyện Vĩnh H và bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà đang giữ. Diện tích đất này bà cho anh Đào Văn Đ thuê mỗi năm giá 20.000.000 đồng. Nay phát sinh tranh chấp giữa ông Đào Văn V và bà Nguyễn Thị U, ông Trần Văn

D bà hoàn toàn không biết, không đồng ý theo yêu cầu của bà U và ông D. Việc vay mượn tiền, thuê đất giữa hai bên bà cũng không biết.

- Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1 trình bày tại Công văn số 23/CV.VPCC ngày 06/12/2022: Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1 có chứng nhận Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn số công chứng 4182, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2020. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ công chứng Văn phòng công chứng thực hiện đúng trình tự thủ tục và giải thích rõ quyền lợi nghĩa vụ của các bên tham gia theo quy định Luật Công chứng. Việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo yêu cầu là không có cơ sở.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh H, tỉnh Long An đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 157, 161, 165, 217, 218, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 166, 122, 129, 131, 429, 463, 466, 468, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U.

1.1. Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Văn V số tiền vay 320.000.000 đồng.

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Đào Văn V về việc yêu cầu ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U trả 506.500.000 đồng tiền lãi do hết thời hiệu khởi kiện.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U với số tiền 450.000.000 đồng.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về việc tranh chấp hợp đồng thuê đất với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Văn V số tiền 37.500.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đào Văn V.

4.1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đơn bán đất) giữa ông Đào Văn V và ông Trần Văn D là vô hiệu.

4.2. Buộc ông Đào Văn V phải trả cho ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U số tiền 410.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 159.440.000 đồng tiền chênh lệch giá đất.

5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

*Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với thửa đất số 895, tờ bản đồ số 7, diện tích 9.996m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An giữa bà Chung Thị Thanh N với ông Đào Văn V lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ1, số công chứng 4182, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.*

*Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.*

*Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động, thu hồi hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.*

*Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp phù hợp kết quả giải quyết của Tòa án.*

*Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.*

*6. Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đào Văn V về việc yêu cầu trả 139.404.444 đồng tiền chênh lệch giá.*

*7. Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu bà Chung Thị Thanh N liên đới với ông Đào Văn V trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiền chênh lệch giá đất.*

*8. Về chi phí giám định, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc:*

*8.1. Về chi phí giám định: Tổng số tiền 6.000.000 đồng, ông Đào Văn V và ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  là 3.000.000 đồng. Ông V đã tạm ứng xong nên ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U phải trả cho ông Đào Văn V số tiền 3.000.000 đồng.*

*8.2. Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Tổng số tiền 7.672.000 đồng, ông Đào Văn V và ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  là 3.836.000 đồng. Ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U đã tạm ứng xong nên ông Đào Văn V phải trả cho ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U số tiền 3.836.000 đồng.*

*9. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

*10. Về án phí:*

10.1. Buộc ông Đào Văn V phải chịu 42.883.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 17.750.000 đồng theo biên lai số 0003568 ngày 17/12/2021, 500.000 đồng theo biên lai số 0003633 ngày 07/3/2022, 12.130.000 đồng theo biên lai số 0003819 ngày 05/12/2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh H sang tiền án phí. Nên ông Đào Văn V phải nộp tiếp 12.503.000 đồng tiền án phí.

10.2. Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U phải chịu 24.176.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà Nước. Chuyển 300.000 đồng theo biên lai số 0003632 ngày 07/3/2022, 16.176.000 đồng theo biên lai số 0003811 ngày 24/11/2022, 300.000 đồng theo biên lai số 0003812 ngày 24/11/2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh H sang tiền án phí. Nên ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U phải nộp tiếp 7.400.000 đồng tiền án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 21/3/2023 nguyên đơn ông Đào Văn V, và ngày 11/4/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị Thanh N kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

*Tại phiên tòa phúc thẩm,*

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Trần D trình bày:*

Ông không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận buộc bị đơn trả 50.000.000 đồng cho ông V tại biên nhận ngày 12/7/2017, vì việc ông V viết thêm chữ trăm vào biên nhận có sự chứng kiến của vợ chồng ông D, bà U cũng đồng ý.

Ông không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vì sự thật “đơn bán đất” đề ngày 20/9/2019 ÂL là giấy viết khống do bà U năn nỉ ông V viết dùm chứ ông V không có bán đất. Mục đích là để bà U đối phó với mẹ chồng của bà U vì vợ chồng bà U, ông D có bán đất cho người khác và có mua lại đất của ông V để tránh phiền phức với gia đình bên chồng. Nên trong giấy bán đất chỉ ghi đại khái là có bán “01 ha với giá 450.000.000 đồng/ha...” không có ghi thừa nào cũng như quyền và nghĩa vụ của mỗi bên, thời hạn thực hiện hợp đồng. Trong giấy có ghi đưa trước 410.000.000 đồng nhưng thực ra ông V không có nhận, bị đơn cho rằng ông V nhận 02 lần tiền, một lần 300.000.000 đồng và một lần 110.000.000 đồng, vì đây là số tiền lớn, lẽ ra phải có biên nhận và chữ ký của ông V.

Mặc khác có sự vô lý là bị đơn nợ tiền của ông V từ năm 2017 và năm 2018 đối với các khoản nợ như Tòa án xác định chưa trả thì không thể năm 2019 ông V bán đất cho bị đơn để nhận 410.000.000 đồng mà không có sự cân trừ.

Do đơn bán đất đề ngày 20/9/2019 AAL là giấy không nên việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của bị đơn được cấp sơ thẩm chấp nhận là không có ý nghĩa nên ông không đồng ý.

*Bà Chung Thị Thanh N trình bày:* Bà yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án không chấp nhận yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn đối với thửa đất 895.

*Ông Phạm Quốc Tr trình bày:* Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả 450.000.000 đồng, việc ghi thêm chữ vào giấy thì ông D và bà U không biết; còn đối với việc ông D và bà U không kháng cáo là do ông D, bà U trả tiền nhưng không lấy biên nhận nên không có chứng cứ đã trả hết tiền cho nguyên đơn, chỉ còn nợ 20.000.000 đồng nên không kháng cáo.

- Đối với giấy mua bán đất ngày 20/9/2019 ÂL, do hai bên tin tưởng lẫn nhau, trước đó cũng đã có mua bán đất với nhau và thực hiện như vậy, sau đó thực hiện lời hứa cùng ra công chứng, chứng thực; ông D, bà U đã đưa tiền nên chỉ nghĩ làm giấy là xong nên không có làm thêm biên nhận xác nhận đã nhận tiền.

- Về yêu cầu vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa ông V và bà N: ông D, bà U cho rằng thửa đất 895 đã chuyển nhượng cho ông D, bà U trước khi văn bản thỏa thuận này được lập nên đề nghị vô hiệu để đảm bảo quyền lợi của bị đơn.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại theo định giá: phía bà U cho rằng nếu trường hợp ông V không trốn tránh thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì đến nay bà U đã nhận quyền sử dụng thửa đất này thì giá trị quyền sử dụng đất đã tăng lên theo giá của chứng thư thẩm định nên xác định có thiệt hại vì vậy yêu cầu bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Nguyên đơn ông Đào Văn V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu số tiền 450.000.000 đồng tại biên nhận ngày 12/7/2017, bác yêu cầu phản tố của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu của bị đơn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị Thanh N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu phản tố của ông D, bà U về yêu cầu vô hiệu văn bản công chứng đối với việc phân chia tài sản chung là thửa 895 tờ bản đồ số 7 giữa ông V và bà N lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xem xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chung Thị Thanh N, thấy rằng:

- *Đối với số tiền 500.000.000 đồng vay theo biên nhận ngày 12/7/2017:* Biên nhận này được các bên thống nhất thừa nhận là chữ viết của bà Nguyễn Thị U, riêng số “0 đ” và chữ “trăm” được viết thêm trước chữ mười ở hàng thứ tư từ trên xuống của biên nhận thì bà U không thừa nhận vì bà U xác định chỉ vay của ông V số tiền 50.000.000 đồng; trong khi đó ông V cho rằng ông cho bà U vay số tiền 500.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định biên nhận ngày 12/7/2017 chỉ có số tiền 50.000.000 đồng vay là có căn cứ, phù hợp với nội dung Kết luận giám định số 232/KL-KTHS ngày 01/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An. Do bị đơn ông D, bà U cho rằng đã trả nợ xong nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của ông V đối với số tiền 50.000.000 đồng và không chấp nhận số tiền còn lại 450.000.000 đồng là có căn cứ.

- *Đối với các số tiền còn lại bao gồm số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/9/2017; số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/3/2018; số tiền 20.000.000 đồng vay năm 2019:* Các bên đương sự thống nhất, không có kháng cáo nên không xem xét.

Xét kháng cáo của ông Đào Văn V về việc tranh chấp liên quan đến số tiền vay 450.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

- *Về việc thỏa thuận xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:* Theo nội dung “Đơn bán đất” ngày 20/9/2019 AL giữa ông V và ông D thể hiện: Tôi Đào Văn V có bán cho chú Trần Văn D là 1ha với giá 450.000.000 đồng 1ha, đưa trước 410.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng làm bằng khoán trả đủ. Ông V thừa nhận là chữ viết trong “Đơn bán đất” trên là của ông nhưng ông cho rằng viết để đối phó với mẹ ruột của ông D. Tuy nhiên, ông V không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi vợ chồng ông D, bà U không thừa nhận. Hơn nữa, phía bị đơn cũng xuất trình được có việc chuyển nhượng đất cho người khác để có nguồn tiền để mua đất của ông V. Mặt khác, tại thời điểm chuyển nhượng thì ông V có đứng tên thửa đất 895, diện tích 9.996m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 494658 do UBND huyện Vĩnh H cấp ngày 02/12/2002. Nên có đủ cơ sở xác định có việc chuyển nhượng đất giữa ông V với ông D và theo giấy tay thể hiện thì ông D đã đưa trước cho ông V số tiền 410.000.000 đồng khi thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên đã được lập thành văn bản giấy tay nhưng chưa được công chứng, chứng thực là chưa đảm bảo tuân thủ hình thức của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật, đồng thời các bên cũng chưa thực hiện việc giao nhận đất sử dụng nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy tay “Đơn bán đất” ngày 20/9/2019 AL giữa ông V và ông D và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là có căn cứ.

- Về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông V và bà N đối với thửa 895: Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn đối với thửa 895, diện tích 9.996m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An giữa ông V và bà N được lập thành văn bản, được Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ1 công chứng ngày 24/8/2020 theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm trước khi ông V thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn cho bà N đối với thửa 895 thì ông V đã thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho ông D, bà U nên việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông V và bà N làm hưởng đến quyền lợi của ông D, bà U nên cần tuyên vô hiệu văn bản công chứng đối với việc phân chia tài sản chung là thửa 895 tờ bản đồ số 7 giữa ông V và bà N lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đào Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chung Thị Thanh N đối với việc tranh chấp Văn bản phân chia tài sản chung giữa ông V và bà N lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1 là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận kháng cáo của ông V, bà N; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21 tháng 3 năm 2023, ông Đào Văn V kháng cáo và ngày 11 tháng 4 năm 2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chung Thị Thanh N kháng cáo; việc kháng cáo của ông V, bà N đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự gồm Luật sư Mai Thanh T, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông D, bà U, ông Đào Văn Đ, bà Huỳnh Thị M1 và Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ1 đều có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông Đào Văn V và bà Chung Thị Thanh N kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[4.1] Xét kháng cáo của ông Đào Văn V:

*Đối với số tiền 500.000.000 đồng vay theo biên nhận ngày 12/7/2017:* Biên nhận này được các bên thống nhất thừa nhận là chữ viết của bà Nguyễn Thị U, riêng số “0 đ” và chữ “trăm” được viết thêm trước chữ mười ở hàng thứ tư từ trên xuống của biên nhận thì bà U không thừa nhận vì bà U xác định chỉ vay của ông V số tiền 50.000.000 đồng; trong khi đó ông V cho rằng ông cho bà U vay số tiền 500.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định biên nhận ngày 12/7/2017 chỉ có số tiền 50.000.000 đồng vay là có căn cứ, phù hợp với nội dung Kết luận giám định số 232/KL-KTHS ngày 01/4/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Long An. Do bị đơn ông D, bà U cho rằng đã trả nợ xong nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của ông V đối với số tiền 50.000.000 đồng và không chấp nhận số tiền còn lại 450.000.000 đồng là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông V.

*Đối với việc thỏa thuận xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:* Theo nội dung “Đơn bán đất” ngày 20/9/2019 ÂL giữa ông V và ông D thể hiện: Tôi Đào Văn V có bán cho chú Trần Văn D là 1ha với giá 450.000.000 đồng 1ha, đưa trước 410.000.000 đồng còn lại 40.000.000 đồng làm bằng khoán trả đủ. Ông V thừa nhận là chữ viết trong “Đơn bán đất” trên là của ông nhưng ông cho rằng viết để đối phó với mẹ ruột của ông D. Tuy nhiên, ông V không đưa ra được chứng cứ chứng minh, trong khi vợ chồng ông D, bà U không thừa nhận. Hơn nữa, phía bị đơn cũng xuất trình được có việc chuyển nhượng đất cho người khác để có nguồn tiền để mua đất của ông V. Mặt khác, tại thời điểm chuyển nhượng thì ông V có đứng tên thửa đất 895, diện tích 9.996m<sup>2</sup>, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số W 494658 do UBND huyện Vĩnh H cấp ngày 02/12/2002. Nên cấp sơ thẩm xác định có việc chuyển nhượng đất giữa ông V với ông D và theo giấy tay thể hiện thì ông D đã đưa trước cho ông V số tiền 410.000.000 đồng khi thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có căn cứ và xử lý hợp đồng vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo của ông V.

[ 4.2] Xét kháng cáo của bà Chung Thị Thanh N và ông Đào Văn V:

*Về việc thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng giữa ông V và bà N đối với thửa 895:* Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn đối với thửa 895, diện tích 9.996m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An giữa ông V và bà N được lập thành văn bản, được Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ1 công chứng ngày 24/8/2020 theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm trước khi ông V thỏa thuận phân chia tài sản chung sau khi ly hôn cho bà N đối với thửa 895 thì ông V đã thỏa thuận chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho ông D, bà U nên việc thỏa thuận phân chia tài sản giữa ông V và bà N làm hưởng đến quyền lợi của ông D, bà U nên cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu văn bản công chứng đối với việc phân chia tài sản chung là thửa 895 tờ bản đồ số 7 giữa ông V và bà N lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng Công chứng Bùi Thị Đ1 là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của ông V và bà N.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đào Văn V và bà Chung Thị Thanh N đều phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đào Văn V và bà Chung Thị Thanh N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 15 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh H, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 157, 161, 165, 217, 218, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, 122, 129, 131, 429, 463, 466, 468, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U.

1.1. Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Văn V số tiền vay 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

1.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Đào Văn V về việc yêu cầu ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U trả 506.500.000 đồng (Năm trăm lẻ sáu triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi do hết thời hiệu khởi kiện.

**2.** Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về việc tranh chấp hợp đồng vay với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U với số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

**3.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn V về việc tranh chấp hợp đồng thuê đất với ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U.

Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đào Văn V số tiền 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

**4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đào Văn V.**

4.1. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (đơn bán đất) ngày 20/9/2019 ÂL giữa ông Đào Văn V và ông Trần Văn D là vô hiệu.

4.2. Buộc ông Đào Văn V phải trả cho ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U số tiền 410.000.000 đồng (Bốn trăm mười triệu đồng) tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 159.440.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch giá đất.

**5. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.**

Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn đối với thửa đất số 895, tờ bản đồ số 7, diện tích 9.996m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Y3, huyện Vĩnh H, tỉnh Long An giữa bà Chung Thị Thanh N với ông Đào Văn V lập ngày 24/8/2020 tại Văn phòng công chứng Bùi Thị Đ1, số công chứng 4182, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD là vô hiệu.

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo kết quả giải quyết của Tòa án.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động, thu hồi hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp phù hợp kết quả giải quyết của Tòa án.

Các đương sự không được ngăn cản các bên thực hiện quyền của người được xác lập quyền sử dụng đất theo bản án, quyết định của Tòa án. Trường hợp các bên vi phạm việc sử dụng đất đã được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án.

**6. Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Đào Văn V về việc yêu cầu trả 139.404.444 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng) tiền chênh lệch giá.**

**7. Bác yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U về việc yêu cầu bà Chung Thị Thanh N liên đới với ông Đào Văn V trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tiền chênh lệch giá đất.**

**8. Về chi phí giám định, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc:**

**8.1.** Về chi phí giám định: Tổng số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), ông Đào Văn V và ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ông V đã tạm ứng xong nên ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U phải trả cho ông Đào Văn V số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

**8.2.** Về chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc: Tổng số tiền 7.672.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn đồng), ông Đào Văn V và ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U mỗi bên chịu  $\frac{1}{2}$  là 3.836.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U đã tạm ứng xong nên ông Đào Văn V phải trả cho ông Trần Văn D, bà Nguyễn Thị U số tiền 3.836.000 đồng (Ba triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

**9.** Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

**10.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

**10.1.** Buộc ông Đào Văn V phải chịu 42.883.000 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 17.750.000 đồng theo biên lai số 0003568 ngày 17/12/2021, 500.000 đồng theo biên lai số 0003633 ngày 07/3/2022, 12.130.000 đồng theo biên lai số 0003819 ngày 05/12/2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh H sang tiền án phí. Ông Đào Văn V phải nộp tiếp 12.503.000 đồng tiền án phí.

**10.2.** Buộc ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U phải chịu 24.176.000 đồng (Hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng theo biên lai số 0003632 ngày 07/3/2022, 16.176.000 đồng theo biên lai số 0003811 ngày 24/11/2022, 300.000 đồng theo biên lai số 0003812 ngày 24/11/2022 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh H sang tiền án phí. Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị U phải nộp tiếp 7.400.000 đồng tiền án phí.

**11.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003903 ngày 21/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh H sang án phí sung ngân sách Nhà nước. Bà Chung Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003942 ngày 11/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh H sang án phí sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

**12.** Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Vĩnh H;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Nhữn**